

PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Bộ môn: Điền tên bộ môn (Viết hoa)

1. Tổng quát về học phần

Tên học phần tiếng Việt: ABC (Viết hoa, in đậm)

Tên học phần tiếng Anh: ABC (Viết hoa, in đậm)

Mã HP: theo mã quy định của phòng Đào tạo cấp dựa trên phần mềm quản lý đào tạo

Số tín chỉ: cấu trúc chung X (A, B, C)

Ý nghĩa các thông số:

- X: số tín chỉ đào tạo
- A: số tín chỉ lý thuyết
- B: số tín chỉ thực hành
- C: số tín chỉ tự học

Ví dụ:

- Học phần có 02 tín chỉ lý thuyết, được ghi: 2(2,0,2);
- Học phần 01 tín chỉ thực hành, được ghi: 1(0,1,1);
- Học phần có 02 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành được ghi: 3(2,1,3);
- Số tín chỉ tự học trong mỗi học phần = số tín chỉ của học phần.
- Tổng số tiết (Lý thuyết và (hoặc) Thực hành + Tự học) = số tín chỉ x 50

Số tiết quy định như sau:

- LT: lý thuyết
- BT: bài tập
- TH: thực hành, thí nghiệm, thảo luận
- BTN: bài tập nhóm

1 tín chỉ

15 tiết LT&BT + 35 tiết tự học

30 tiết Thực hành, thí nghiệm
+ 20 tiết tự học

50 tiết thực tập, tiểu luận, đồ án, luận văn...

Đánh giá học phần:

100% = X % điểm quá trình + Y % điểm thi cuối kỳ

Trong đó X, Y xem chi tiết tại mục 6

Thang điểm: sử dụng thang điểm 10

Điều kiện tham gia học phần: ghi theo tên và mã quy định của phòng Đào tạo cấp dựa trên phần mềm quản lý đào tạo

- Môn tiên quyết: là môn học trước đạt điểm 4 trở lên

- Môn học trước: là môn đã học
- Môn song hành: là môn học cùng đi kèm

2. Mô tả học phần

Viết thành đoạn văn khoảng 100 từ, khái quát nội dung học phần và xác định vị trí của học phần này so với các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành liên quan.

3. Tài liệu học tập

3.1. Tài liệu chính

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình/Tên sách*. Tên nhà xuất bản.

3.2. Tài liệu tham khảo

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình/Tên sách*. Tên nhà xuất bản.

4. Mục tiêu học phần

Phần này liệt kê các mục tiêu tổng quát của học phần, các mục tiêu tổng quát này thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra cấp độ 3 của CTĐT và trình độ năng lực được phân bổ cho mỗi học phần.

Mỗi học phần nên tối thiểu 3 mục tiêu gồm: mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng, mục tiêu mức độ tự chủ và trách nhiệm.

[1]: Số thứ tự mục tiêu tổng quát của học phần.

[2]: Mô tả ngắn gọn nội dung mục tiêu vào từng dòng CO_x và phải bắt đầu bằng **động từ** chủ động gắn với thang đo trình độ năng lực.

[3]: Xác định *các* chuẩn đầu ra PLO_x của CTĐT được phân bổ cho học phần theo từng mục tiêu.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Phần này liệt kê một cách hệ thống các mục tiêu cụ thể hay chuẩn đầu ra học phần được cụ thể hóa từ các mục tiêu tổng quát của học phần. Việc mô tả chuẩn đầu ra học phần bao gồm các động từ chủ động.

[1]: Liệt kê đầy đủ các mục tiêu tổng quát đã nêu ở mục 4.

[2]: Chuẩn đầu ra học phần chi tiết tương ứng với từng mục tiêu học phần tổng quát.

[3]: Mô tả chuẩn đầu ra, viết khoảng 15 đến 30 từ, bắt đầu bằng động từ chủ động tương ứng với thang đo trình độ năng lực.

[4]: Xác định *các* chuẩn đầu ra cấp độ 1 PLO_x của chương trình đào tạo, và chuẩn đầu ra cấp độ 2 PI_{x.y} theo từng mục tiêu cụ thể.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PLO1			PLO2		PLO _x
	PI1.1	PI1.2	PI1.x	PI2.1	PI2.x	...
CLO1.1						
CLO1.2						

CLOs	PLO1			PLO2		PLOx
	PI1.1	PI1.2	PI1.x	PI2.1	PI2.x	...
CLO2.1						
CLO2.2						
CLO2.3						
CLO3.1						
CLO3.2						
CLO4.1						
Giá trị lớn nhất của năng lực						

6. Hướng dẫn cách học, chi tiết cách đánh giá môn học

Cách học:

- Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% số tiết của học phần;
- Làm và nộp các bài tập;
- Tự nghiên cứu các vấn đề được giao ở nhà hoặc thư viện;
- Thực hiện đầy đủ các phần thuyết trình của nhóm;
- Tham dự thi kết thúc học phần.

Quy định về trọng số các hình thức đánh giá sẽ do Chủ nhiệm học phần, Bộ môn và Khoa quyết định đảm bảo đúng theo quy định của Trường. Việc định vị tham chiếu vào rubric sẽ căn cứ vào văn bản xây dựng tiêu chí đánh giá của Khoa. X%: tổng tỉ lệ đánh giá quá trình, Y% : 100%-X% điểm thi cuối kỳ.

Các Khoa tập hợp và mã hóa các rubric dùng chung theo quy ước Ax.y, trong đó:

x = 1, 2 với 1 là đánh giá quá trình, 2 là đánh giá cuối kỳ.

y = 1, 2, 3,... với 1, 2, 3,... là kí hiệu thứ tự rubric của Khoa.

[1]: Thời điểm đánh giá quá trình, giữa kì, cuối kì (đánh giá khi nào trong phân phối chương trình học phần).

[2]: Dạng bài đánh giá theo rubric

[3]: Các chuẩn đầu ra học phần liên quan đến bài đánh giá.

[4]: Các hình thức đánh giá của học phần bao gồm: sự tham dự lớp học, chuyên cần, thái độ học tập, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thuyết trình, bài kiểm tra/thi giữa kì (trắc nghiệm, tự luận,...), bài thi cuối khóa (trắc nghiệm, tự luận,...)

[5]: Ghi số rubric mà Khoa đã ban hành.

[6]: Liệt kê tỉ lệ điểm các bài đánh giá trong tổng điểm các thành phần đánh giá.

Ma trận thống kê số lượng câu hỏi theo từng đơn vị kiến thức (Phần/Chương/Bài), nên thống kê toàn bộ số lượng câu hỏi/bài tập mà GV triển khai trong suốt quá trình tổ chức giảng dạy học phần, số lượng câu hỏi gắn kết với định vị chuẩn đầu ra học phần ở mục 9.

Ma trận kiểm tra, đánh giá kết quả học tập: Phần – Chương. Bậc: từ x đến y thể hiện

Nội dung cụ thể các tiêu chí đánh giá trong từng rubric Ax.y, sinh viên tham gia mức độ nào thì đạt kết quả tương ứng theo các mức điểm hệ 4 và hệ 10. Trọng số là tỉ lệ % từng tiêu chí con.

7. Dự kiến danh sách cán bộ tham gia giảng dạy

- [2]: Ghi học hàm, học vị kèm tên GV.
- [3]: Ghi địa chỉ email liên hệ.

8. Phân bố thời gian chi tiết

Nội dung	PP giảng dạy	Phân bố số tiết cho hình thức dạy - học				Tổng số tiết trên lớp
		Lên lớp		TH	Tự học (giờ)	
		LT	BT			
Phần						
Chương						
Nội dung						

9. Nội dung chi tiết

CLOs: chuẩn đầu ra học phần

Dạng bài đánh giá: theo cột [2] của mục 6

Tuần / Chương	Nội dung	CLOs	Hoạt động dạy và học	Dạng bài đánh giá	Tài liệu học tập

10. Hướng dẫn tự học

Tuần/ Buổi học/ [1]	Nội dung [2]	CDR học phần [3]	Hoạt động tự học của SV [4]

CÂU HỎI TỰ HỌC, ÔN TẬP, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

I. Mức câu hỏi

1. Nội dung hỏi. (Phần x – Chương y)

Lưu ý: định lề trang văn bản theo quy định sau: Lề trái: 3 cm; Lề phải: 2 cm; Lề trên: 2 cm; Lề dưới: 2 cm.